TÒA ÁN NHÂN DÂN **T PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 26- 02-2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị N

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quang Lực và bà Hoàng Cúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương H, là Thư ký Tòa án nhân dân T phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân T phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**; Sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường H, T phố B, tỉnh Đ; Có mặt;

2. Bị đơn: Anh **Vũ Duy T**; Sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường H, T phố B, tỉnh Đ; Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Vũ Duy T kết hôn năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, T phố B, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, làm ảnh hưởng đến tinh thần, danh dự của nhau, ảnh hưởng đến con cái, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Trước đây, chị N cũng đã một lần nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn. Nay chị N xin được ly hôn với anh T

Về con: Chị N và anh T có hai con chung là Vũ D, sinh ngày 04/01/1999 và cháu Vũ K, sinh ngày 04/8/2000. Nếu ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; cháu D đã đủ tuổi T niên, khỏe mạnh và phát triển bình thường và đang học chuyên nghiệp, việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định, vợ chồng cùng có trách nhiệm với cháu. Hiện chị N có thu nhập ổn định từ lương.

Về tài sản và nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Duy T không trả lời thông báo thụ lý vụ án; vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 02/10/2017 chị Trần Thị N nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân T phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với anh Vũ Duy T có địa chỉ tổ dân phố 4, phường H, T phố B, tỉnh Đ Biên. Ngày 03/10/2017 chị N đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị N theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Vũ Duy T, cùng trú tại số nhà 190, tổ dân phố 4, phường H, T phố B, tỉnh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ chị Trần Thị N đã nộp kèm theo đơn khởi kiện cho anh Vũ Duy T; giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh T theo quy định của BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân:

Chị Trần Thị N và anh Vũ Duy T tự nguyện kết hôn khi chị N đủ 18 tuổi, anh T đủ 20 tuổi trở lên; không bị mất năng lực hành vi dân sự, việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn; đăng ký kết hôn tại UBND phường Him Lam, thị xã Lai Châu cũ (*nay là T phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên*). Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh T đảm bảo về Điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị N, anh T chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung. Theo chị N, thời gian sau này do bất đồng quan điểm nên vợ chồng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, gây ảnh hưởng xấu đến tinh thần, danh dự của nhau. Chị N khởi kiện vụ án ly hôn và nuôi con khi ly hôn, Tòa án đã thông báo cho anh T được biết, đồng thời gửi cho anh T bản sao đơn khởi kiện cùng bản sao các tài liệu, chứng cứ chị N đã nộp kèm theo đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh T không có ý kiến trả lời thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được, đồng thời anh T cũng vắng mặt tại phiên tòa. Điều đó thể hiện anh T không có thiện chí trong việc hòa giải, tháo gỡ mâu thuẫn gia đình, tự từ bỏ quyền được trình bày trước Hội đồng xét xử về nguyện vọng của mình đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con khi ly hôn của chị N. Chị N kiên quyết xin ly hôn, xét thấy tình cảm giữa chị N với anh T không còn, vợ chồng không còn tôn trọng

nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

Về con chung:

Chị N và anh T có hai con chung. Cháu Vũ D đã đủ tuổi T niên, phát triển bình thường và đang học chuyên nghiệp; chị N không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết. Cháu Vũ K sinh ngày 04/8/2000 hiện đang học lớp 12 và sinh sống cùng bố mẹ, cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Chị N hiện có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Việc giao cháu H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị N là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và phù hợp với điều 81 LHN&GĐ. Chị N không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không có yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 6 Điều 72 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N, cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Vũ Duy T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ K, sinh ngày 04/8/2000 cho chị Trần Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền **300.000** đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0001551 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự T phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*26/02/2018*), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị N